

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú.
2. Ông Phạm Xuân Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 545/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Văn L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (Đã bị Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 03/2021/QĐST-DS ngày 12/8/2021).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Mai Nguyễn H Đ, sinh ngày 26/6/2016 theo đơn yêu cầu trợ giúp viên pháp lý của anh Mai Văn L là ông Trương Phan Thụy D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Th, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Mai Văn L trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Ph kết hôn ngày 27 tháng 4 năm 2016, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sinh sống với gia đình bên ngoại tại Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, sau đó nhà ngoại cho một diện tích đất bên cạnh để vợ chồng ra ở riêng. Trước khi kết hôn với anh, chị Ph đã có một đời chồng trước và có 04 người con; do vợ chồng mâu thuẫn, giữa năm 2015 thì làm thủ tục ly hôn và Tòa án đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Vợ chồng anh chung sống đến tháng 06 năm 2018, chị Ph gọi điện nói là “anh về nhà giữ con để tôi đi làm”, anh L hỏi đi làm ở đâu thì chị Ph trả lời “đến nơi rồi sẽ gọi điện về thông báo” rồi bỏ đi từ đó đến nay. Sau khi chị Ph bỏ đi, anh L tìm mọi cách liên lạc qua điện thoại, liên lạc qua các trang mạng xã hội nhưng bị chặn không liên lạc được, thông qua người thân và bạn bè mà chị Ph thường xuyên lui tới nhưng không có ai biết tin tức gì của chị Ph. Anh đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố chị Nguyễn Thị Ph mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 03/2021/QĐST-DS, ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện N Đ đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1985; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế, mất tích. Kể từ đó đến nay chị Ph không có tin tức gì. Anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm anh dành cho chị Ph không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph.

Về con chung: Anh L với chị Nguyễn Thị Ph có 01 người con chung: Cháu Mai Nguyễn H Đ, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016. Hiện nay cháu H Đ đang do anh L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H Đ đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ph phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, khi chị Ph bỏ đi còn để lại cho anh nuôi dưỡng cháu Lê Hữu B, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2013 (đây là người con riêng của chị Nguyễn Thị Ph và anh Lê Hữu Th). Về mặt pháp lý cháu không phải là con chung của anh với chị Nguyễn Thị Ph nhưng anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không có ý kiến gì đối với cháu.

Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Ph đã bị Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 03/2021/QĐST-DS, ngày 12/8/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không nhận được thông tin phản hồi nào của chị Ph. Tại biên bản xác minh ngày 19/10/2021 đã thể hiện: Từ thời điểm Tòa án tuyên bố chị Ph mất tích đến nay, chị Ph không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương cũng không

nắm được tin tức gì về chị Ph.

** Ông Trương Phan Thụy D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Mai Nguyễn H Đ trình bày:*

Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Mai Nguyễn H Đ có gặp gỡ để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của cháu, theo nguyện vọng của cháu H Đ là mong muốn được ở với ba cháu. Trong thời gian chị Ph bỏ đi, không có liên lạc và quan tâm gì đến cháu H Đ, hiện tại cháu H Đ do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, không có sự quan tâm và tiền chu cấp của chị Ph nhưng anh L vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu tốt nhất. Từ những căn cứ đó, chứng minh việc giao cháu Mai Nguyễn H Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được mọi mặt phát triển của cháu. Từ những căn cứ nêu trên, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Mai Nguyễn H Đ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng đó là tự nguyện của anh L nên Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến gì.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 25; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Văn L, anh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph; về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn H Đ cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Mai Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1985; nơi cư trú cuối cùng: Thôn K, xã H P, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nguyễn Thị Ph: Chị Ph đã bỏ nhà đi từ tháng 06 năm 2018, không có mặt tại địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng đến nay không có tin tức gì nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ngày 13/12/2021 chị Ph vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 06 tháng 01 năm 2022 nhưng chị Ph vẫn vắng mặt; Đối với người làm chứng ông Nguyễn Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trước đó ông Th đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn L và chị Nguyễn Thị Ph tự nguyện kết hôn vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, đăng ký kết hôn tại: Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân của anh L và chị Ph là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Vợ chồng anh L, chị Ph chung sống với nhau đến tháng 6 năm 2018 thì chị Ph bỏ đi làm ăn đến nay không có tin tức gì. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 03/2021/QĐST-DS, ngày 12/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên bố chị Nguyễn Thị Ph mất tích. Xét về quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Ph đã không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của anh L về việc xin ly hôn chị Ph là phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Mai Văn L với chị Nguyễn Thị Ph có 01 người con chung: Cháu Mai Nguyễn H Đ, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016, anh L có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Ngoài ra, anh L hiện đang nuôi dưỡng cháu Lê Hữu B, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2013 (đây là người con riêng của chị Nguyễn Thị Ph và anh Lê Hữu Th), anh L không có yêu cầu gì đối với cháu B. Xét theo yêu cầu của anh L về nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Theo kết quả xác minh thực tế anh L là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H Đ, trong thời gian chị Ph bỏ đi việc nuôi dưỡng cháu được anh L đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất, hơn nữa chị Ph đã mất tích, nguyện vọng của anh L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H Đ là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Đối với cháu Lê Hữu B là con riêng của chị Nguyễn Thị Ph, anh L tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không có yêu cầu

gì đối với cháu và cũng không yêu cầu chị Ph phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong thời gian anh L trực tiếp nuôi con mà chị Ph trở về, nếu cháu H Đ chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Mai Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ; quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Mai Nguyễn H Đ của Trợ giúp viên pháp lý có căn cứ pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Văn L. Anh Mai Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn H Đ, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016 cho anh Mai Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Mai Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002553 ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Mai Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Nguyễn Thị Ph vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- UBND thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú